

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2023/DSST
Ngày: 15-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hùng**
2. Bà **Huỳnh Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 759/2023/TLST-DS, ngày 25/4/2023; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2023/QĐXXST-DS, ngày 04/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 320/2023/QĐST-DS, ngày 23/8/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Ngọc E**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp Ô Tr, xã Hiếu Tử, huyện Ti, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Kim Thị Sóc K**, sinh năm 1972; Anh **Kim N**, sinh năm 1972; Cùng cư trú: Ấp Ô Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cùng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc E trình bày:

Vào ngày 06/4/2019, chị **Kim Thị Sóc K** cùng chồng anh **Kim N** có tổ chức khai nhiều dây hui, hình thức tham gia góp hui được thỏa thuận như sau: Loại hui 5.000.000 đồng, hui khai theo vụ lúa, giữa chị và chị K, anh N chỉ thỏa thuận bằng lời nói không làm văn bản. Chủ hui có giao danh sách hui viên cho

chị theo dõi, huê hồng cho chủ đầu thảo hưởng ở mỗi lần khai là 2.500.000 đồng, hội gồm 15 phần, chị tham gia 01 phần ở đây hội số 01 và 01 phần ở đây hội số 02. Hai đây hội này khai được 04 lần đến lần khai thứ 05 thì chị K, anh N tuyên bố úp hội không khai hội nữa, cụ thể chị đóng hội sống ở đây hội số 01 từ lần khai thứ 01 đến lần khai thứ 04 là 9.700.000 đồng, ở đây hội số 02 từ lần khai thứ 01 đến lần khai thứ 04 là 9.800.000 đồng. Tổng cộng 02 đây chị E đóng là 19.500.000 đồng. Khi bề hội chị K, anh N có gửi trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 14.500.000 đồng.

Chị Thạch Thị Ngọc E yêu cầu chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hội sống còn nợ bằng 14.500.000 đồng. Chị E không yêu cầu tính lãi và yêu cầu xét xử vắng mặt chị.

Đối với bị đơn chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị K, anh N không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc E nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà chị K, anh N và chị Ngọc E đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc E là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, về họ, hội, biên, phường. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N có nghĩa vụ trả tiền hội cho chị Thạch Thị Ngọc E bằng 14.500.000 đồng, không phải trả lãi. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Chị Thạch Thị Ngọc E vắng mặt có đơn xin vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị E, chị K, anh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc E, qua các tài liệu, chứng cứ mà chị Thạch Thị Ngọc E cung cấp và lời xác nhận của hội viên tham gia góp hội cùng chị Ngọc E như bà Thạch Ngọc Nh (Tên trong danh sách hội là Ngọc Nh); Bà Sơn Hồng Tr (Tên trong danh sách hội là Đ); Bà Thạch Thị Ch (Tên trong danh sách hội là Cô Ch); Bà Kim Thị Hoa Tr (Tên trong danh sách hội là Tư Cô Ch); Trần Thị Sa V (Tên trong danh sách hội là Chính K) cùng xác nhận chị Thạch Thị Ngọc E có tham gia hội do chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N làm chủ đầu thảo loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 06/4/2019, ở đây hội số 01, 02, hội khai theo vụ lúa là có thật.

[3] Đối với chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Thạch Thị Ngọc E nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà chị Thạch Thị Ngọc E đã nộp gồm: Đơn khởi kiện ngày 05/4/2023 và danh sách hội viên ngày 06/4/2019, đây hội số 01, 02 thể hiện chị K, anh N là chủ đầu thảo hội trong đây hội mà chị Thạch Thị Ngọc E khởi kiện để cho chị K, anh N có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà chị E đã nộp. Tuy nhiên, chị K, anh N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị E về việc buộc vợ chồng chị K, anh N trả số tiền hội sống còn nợ 14.500.000 đồng. Xét thấy, việc chị K, anh N ngưng khai hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội, khi chủ hội không khai hội tiếp thì chủ hội phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền hội sống mà hội viên đã góp hội nên căn cứ vào Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hội biểu phượng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc E là hoàn toàn có căn cứ, chị Thạch Thị Ngọc E không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 42, 91, 92, 147 và Điều 217, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hội biểu phượng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc E.

Buộc chị Kim Thị Sóc Kha, anh Kim Ngọc có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Ngọc E số tiền hui sống mà chị K, anh N còn nợ bằng 14.500.000 đồng (Trong đây hui mở ngày 06/4/2019, loại hui 5.000.000 đồng, hui khui theo vụ lúa, đây hui số 01, 02). Chị Thạch Thị Ngọc E không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chị Kim Thị Sóc K, anh Kim N phải chịu 725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị Ngọc E không phải chịu án phí; Hoàn trả cho chị Thạch Thị Ngọc E số tiền tạm ứng án phí 494.500 đồng tại biên lai thu tiền số 0015044, ngày 13/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2023.
Tại: Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thạch Hùng.
Ông Nguyễn Văn Bé.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 217/2022/TLST-DS, ngày 11/11/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS, ngày 03/01/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Chane, sinh năm 1960, có đơn xin vắng;
Nơi cư trú: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị Sa Rây, sinh năm 1968, vắng mặt không lý do;
Nơi cư trú: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 74, 91, 92, 147, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc Em.
Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.

2. Buộc chị Kim Thị Sóc Kha và anh Kim Ngọc có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Ngọc Em số tiền hội sống mà chị Em đã góp bằng 29.480.000 đồng. Chị Thạch Thị Ngọc Em không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim Thị Sóc Kha và anh Kim Ngọc phải chịu 1.474.000 đồng án phí; Chị Thạch Thị Ngọc Em không phải chịu án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.

Nghị án kết thúc lúc 16 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thu Hương – Thạch Hùng

Nguyễn Thị Tú Trinh

